Bài 4 Phát triển thủy lợi và tác động môi trường

SIMON BENEDIKTER

Những tác động môi trường của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng đã cấu thành một khía cạnh khác liên quan đến việc kiểm soát quy hoạch và quản lý thủy lợi. Phạm vi cũng như mức độ ảnh hưởng của khía cạnh này sẽ được phân tích cụ thể dưới đây:

Quy hoạch thủy lợi ở vùng ĐBSCL đã đạt đến đỉnh cao đầu tiên với việc lập quy hoạch tổng hợp NEDECO trong những năm 1990. Đến nay, quy hoạch tổng hợp này vẫn là nền tảng quan trọng cho việc quy hoạch thủy lợi và nhiều dự án có liên quan đang được thực hiện nay. Tuy nhiên, trước xu hướng phát triển của đất nước, quy hoạch tài nguyên nước đã có nhiều thay đổi đáng kể trong thời gian gần đây.Trước đây, việc xây dựng hạ tầng cơ bản thủy lợi tập trung vào các công trình nhỏ và riêng lẻ như kênh mương, đê điều, trạm bơm. Nhưng trong 20 năm qua, các phương pháp tiếp cận quy mô lớn đã phổ biến hơn. Hiện nay, hệ thống thủy lợi được kết hợp với các dự án cơ sở hạ tầng đường bộ và khép kín với các vùng đất nông nghiệp rộng lớn. Hơn nữa, quy hoạch tài nguyên nước cũng đã trở nên đa dạng hơn, do ngoài trồng trọt ra nhu cầu về nước phục vụ cho các lĩnh vực thủy sản và công nghiệp ngày một gia tăng.

Tuy nhiên, việc xây dựng công trình thủy lợi quy mô lớn đã gây nhiều tranh cãi, do sự can thiệp vào dòng chảy tự nhiên của nước gây ra nhiều hiệu ứng phụ tiêu cực đối với môi trường và kinh tế - xã hội.

Ở cấp vĩ mô, sự mất đất ngập lũ thiên nhiên do việc xây đê chống lũ tại vùng lũ phía Bắc đồng bằng liên tục mở rộng về diện tích và nâng cấp ảnh hưởng đến dòng chảy của nước ở các con sông và kênh lớn. Điều này có thể gây sạt lở các bờ sông/ kênh chính và làm gia tăng bồi lắng ở các vùng phía Nam đồng bằng vào mùa mưa. Việc rút nước phục vụ cho thủy lợi ở các vùng cao của đồng bằng vào nước ngọt gia tăng và kéo dài sự xâm nhập mặn tại các vùng ven biển phía Nam của đồng bằng.

Các công trình thủy lợi quy mô lớn ở ĐBSCL

	Diện tích (ha)	Vốn đầu tư (triệu US$)	Mục đích dự án
Ô Môn – Xà No (Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ)	45.000	70	Kiểm soát lũ, cải thiện hệ thống tưới tiêu
Nam Măng Thít (Vĩnh Long & Trà Vinh)	225.000	68	Ngăn mặn, nước ngọt hóa
Quản Lộ - Phụng Hiệp (Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau)	363.000	44	Ngăn mặn, nước ngọt hóa
Bắc Vàm Nao (An Giang)	36.000	36	Kiểm soát lũ, cải thiện hệ thống tưới tiêu

Bảng: Simon Benedikter

Kết quả của một cuộc khảo sát hệ thống thủy lợi khép kín *Ô Môn – Xà No* đã cho thấy những tác động tiêu cực về môi trường và kinh tế xã hội rất có thể vượt qua các lợi ích kinh tế. Chính quyền địa phương và cư dân trong các vùng thuộc dự án đã phản ánh và cho rằng dự án thủy lợi này không phù hợp với các điều kiện sinh thái của địa phương. Đây là dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN & PTNT) thực hiện. Những vấn đề được đề cập ở đây là sự suy giảm chất lượng nước, đặc biệt vào mùa khô khi mực nước trong hệ thống sông/ kênh rất thấp do lượng nước chảy vào vùng nội đê điều bị cản trở bởi các điểm hẹp ở cống dẫn nước. Do vậy, nước không thể thường xuyên được xả ra khỏi hệ thống đê điều. Người dân sống ở những vùng này phải sử dụng nguồn nước mặt vốn đã bị ô nhiễm nặng (do chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, hoá chất nông nghiệp) để sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra, còn có vô số trường hợp mà cuộc sống của người dân phải dựa vào nguồn nước mặt làm nguồn nước để ăn uống. Vấn đề thiếu nước phục vụ tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp vào mùa khô đặt ra một khó khăn khác mà người dân ở đây cũng rất quan tâm. Hơn nữa, hệ thống đê điều ngăn lũ vào mùa mưa của dự án này đã gây cản trở cho việc mang phù sa đến với đất. Người dân ở đây buộc phải sử dụng nhiều phân bón

hóa chất do sự suy giảm màu mỡ của đất. Nước thải từ các ruộng và ao nuôi trồng thủy sản lại khó thoát ra hệ thông đê điều. Điều này góp phần gây ô nhiễm nguồn nước mặt vốn đã bị ô nhiễm lại ngày một nghiêm trọng hơn.

Cống và kênh của hệ thống thủy lợi Ô Môn – Xà No vào mùa khô và mực thủy triều thấp (ảnh: S. Benedikter)

Theo cán bộ địa phương và các phương tiện truyền thông đại chúng, hầu hết các hệ thống và công trình thủy lợi quy mô lớn do Trung ương thực hiện, cụ thể là Bộ NN & PTNT, chỉ chuyển giao rất ít cơ hội cho chính quyền địa phương và chuyên gia khoa học địa phương tham gia quá trình thực hiện. Theo quan điểm của họ, sự thiết kế công trình này đã được sao chép từ các dự án khác tại đồng bằng sông Hồng, mặc dù điều kiện tự nhiên của đồng bằng ở miền Bắc và ĐBSCL ở phía Nam là rất khác biệt. Ngoài các khía cạnh về môi trường, các hệ thống cống được đánh giá là gây nhiều khó khăn đối với vận tải đường thủy. Do nhiều cống quá hẹp mà nhiều ghe không thể vào được hệ thống. Sự vận chuyển của nông sản từ vùng nội dự án ra bằng tàu/ ghe hoàn toàn ngưng lại vào những lúc mà hệ thống cống bị đóng. Điều này gây ra nhiều bất lợi kinh tế, đặc biệt đối với nông dân, do việc vận chuyển nông sản bằng đường thủy nay phải chuyển sang đường bộ với chi phí nhiều hơn.

Mặc dù các vấn đề này đã được các cơ quan địa phương đề cập trong giai đoạn quy hoach dự án, thế nhưng, tiếng nói của họ đã không nhận được sự quan tâm của các cơ quan trực thuộc Bộ NN & PTNT.

Tương tự như vây, đối với dự án Bắc Vàm Nao (BVN), do AusAid tài trợ, khởi đầu vào những năm 1990 và được giao trực tiếp cho Bộ NN & PTNT thực hiện. Dự án này đã bị tạm thời đình chỉ và cách tiếp cận dự án cũng đang được xem xét lại sau khi nhiều vấn đề về môi trường tại vùng của dự án phát sinh, cũng như nhận được sự phản đối quyết liệt của địa phương. Một quy hoạch dự án mới với sự cân nhắc về giảm thiểu tác động môi trường và lợi ích kinh tế xã hội đã được chính quyền tỉnh An Giang tiếp nhận trách nhiệm hoàn thiện dự án thay thế Bộ NN & PTNT. Từ đó, thẩm quyền thực hiện dự án được giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của tỉnh (Sở NN & PTNT), và các sở hữu quan khác, đặc biệt là Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT). Trong đó, Sở TNMT chịu trách nhiệm đánh giá tác động môi trường và giám sát các vấn đề về chất lượng nước trong hệ thống BVN. Nhìn chung, cách tiếp cận tổng hợp được thực hiện dưới sự ủng hộ của chính quyền địa phương cấp tỉnh dựa trên điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế - xã hội thực tế của địa phương đã được quan tâm nhiều hơn. Rõ ràng, điều này đã làm giảm các tác động tiêu cực và làm tăng sự hưởng ứng cũng như đồng thuận của người dân địa phương.

Tài liệu tham khảo

EVERS, H.-D. & S. BENEDIKTER (2009): *Hydraulic Bureaucracy in a Modern Hydraulic Society Strategic Group Formation in the Mekong Delta*. Water Alternatives 2(3): 416-439.

Simon Benedikter tốt nghiệp Thạc sĩ Đông Nam Á học, chuyên ngành Kinh tế và Tiếng Việt học từ trường Đại Học Bonn. Từ năm 2007 tác giảlà chuyên viên nghiên cứu của ZEF và hiện đang nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam, bao gồm chủ đề đổi mới cơ chế và thể chế quản lý thủy lợi ở vùng ĐBSCL.